TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 31-3-2025
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương; ;

2. Ông Trần Văn Kiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 05/3/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-DS, ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 2000 (có mặt), địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Trước đây bà có cho Trần Thanh N vay tiền nhiều lần, vay rồi trả sau đó vay tiếp. Đến ngày 18/3/2024 (âl) ông Trần Thanh N tiếp tục hỏi vay của bà 118.500.000 đồng thỏa thuận lãi suất 2.500 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Lúc vay không làm biên nhận, từ khi vay đến nay ông N có đóng lãi cho bà được 58 ngày với số tiền là 7.250.000đồng. (đóng đến ngày 30.4.2025) từ ngày 01.5.2024

đến nay ông N không đóng lãi cho bà nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông N trả số tiền vay còn thiếu nhưng ông N cứ hẹn mà không trả cho bà. Bà H yêu cầu ấp giải quyết thì ông N thừa

nhận chỉ thiếu bà 108.500.000 đồng và xin hẹn trả dần mỗi tháng Hai trăm hoặc Năm trăm nghìn đồng, bà không thống nhất nên phát sinh tranh chấp.

Do bà đưa tiền cho N vay không có biên nhận nay N thừa nhận có nợ bà 108.500.000 đồng thì bà cũng đồng ý. Nhưng không đồng ý cách Nhở thanh toán nên bà H yêu cầu ông Trần Thanh N phải trả số tiền vay vốn là 108.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật 20%/năm kể từ ngày 01/5/2024 (âl) đến ngày 15/1/2025 (âl) là 8 tháng 15 ngày (108.500.000 đồng x 20%/năm x 8 tháng 15 ngày) 15.370.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 15/1/2025 (âl) nhằm ngày 12/2/2025 (D) cho đến khi tòa án giải quyết dứt điểm vụ kiện.

* Bị đơn ông Trần Thanh N trình bày: Tính từ tháng 7 - 8/2023 đến tháng 8/2024 ông có vay tiền của bà H nhiều lần, ông không nhớ những lần vay cụ thể số tiền bao nhiêu, hai bên không có làm biên nhận hay giấy tờ gì và ông cũng không có thế chấp tài sản gì cho bà H và không thỏa thuận mức lãi suất mà chỉ thỏa thuận sau khi vay ông sẽ trả cho bà H 125.000đồng/ngày (ông trả được khoảng 3 tháng với số tiền 125.000đồng/ngày; sau đó ông trả 250.000đồng/ngày, ông trả được khoảng một tháng rưỡi và thời gian sau này ông không có khả năng trả nữa nên có thỏa thuận lại là 3 - 4 ngày ông trả 200.000 - 300.000đồng cho bà H và ông trả được khoảng 7 triệu mấy và ngưng trả cho đến nay. Tổng cộng số tiền ông đã trả lãi cho bà H khoảng hai mươi mấy triệu đồng. Hiện tại ông xác định còn nợ bà H số tiền vay gốc là 108.500.000 đồng, số tiền trên chốt lại vào ngày 01/8/2024 (âl). Do ông chưa có việc làm nên hiện nay không có khả năng trả một lần số tiền còn nợ cho bà H, ông xin được trả dần hàng tháng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi trả xong số tiền nợ và ông xin không yêu cầu tính lãi vì trước đây bà H hứa cho ông không tính lãi.

* Tại phiên toà bà Trương Thị H và ông Trần Thanh N thống nhất xác định tính đến ngày 01/8/2024 (âl) ông N còn nợ bà H số tiền vay vốn gốc là 108.500.000 đồng. Bà H yêu cầu ông N trả lãi trong thời hạn 8 tháng từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử với mức lãi suất 12%/năm, không đồng ý với phương thức trả nợ của ông N, bà yêu cầu

ông N trả cho bà một tháng 10.000.000 đồng, nếu không thì bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc trả toàn bộ số nợ trên cho bà.

Đối với số tiền lãi ông N đã góp cho bà H trước ngày 01/8/2024 (âl) ông bà xác định đã thoả thuận xong không yêu cầu Toà án xem xét.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhận định: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, việc cho và vay tiền giữa các bên là không có làm biên nhận vay tiền. Nay bà H và ông N xác định ông N còn nợ bà H số tiền vay vốn gốc là 108.500.000 đồng tính từ ngày 01/8/2024 âl nên đây thuộc tình tiết sự thật không phải chứng minh nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Nay bà H yêu cầu ông Trần Thanh N trả cho bà số tiền vay vốn gốc và số tiền lãi 12/năm tính từ ngày 01/8/2024 (âl) cho đến khi xét xử. Ông N xác định còn nợ bà H số tiền trên nhưng hiện tại không có khả năng thanh toán nên xin trả dần 01 tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ và yêu cầu từ ngày 01/8/2024 (âl) bà H không yêu cầu tính lãi số tiền trên vì bà H đã hứa cho ông số tiền lãi. Xét thấy ông N vay tiền bà H nhiều lần và tính đến ngày 01/8/2024 (âL) còn thiếu bà số tiền vốn gốc là 108.500.000 đồng đến nay không thanh toán, nay bà H khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền vay còn thiếu là phù hợp nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Đối với việc xin trả dần và yêu cầu không tính lãi số nợ còn thiếu của ông N, không được bà H chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến trên của ông N.

Xét yêu cầu tính lãi suất theo quy định của bà H thấy rằng, việc vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất mức lãi suất trước đây thoả thuận vượt mức quy định của pháp luật nhưng nay ông N xác định không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với mức lãi suất bà H yêu cầu 12%/năm từ ngày 01/8/2024 âl đến ngày xét xử

là 8 tháng với số tiền 8.000.000 đồng xét thấy phù hợp nên yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các Điều 92 Bộ luật tố trụng dân sự; Điều 463, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H buộc ông N trả số tiền vay còn thiếu cho bà H là 108.500.000 đồng, đồng thời trả lãi theo mức lãi suất quy định là 12 %/năm với số tiền là 8.000.000 đồng.

Đối với việc rút một phần yêu cầu tính lãi từ 20% còn 12% với số tiền 7.370.000 đồng là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng*:

Nguyên đơn bà Trương Thị H yêu cầu ông Trần Thanh N trả cho bà số tiền vay còn thiếu 108.500.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa bà H rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 7.370.000 đồng, xét việc rút yêu cầu tính lãi của bà H là tự nguyện phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[**2**] *Nội dung tranh chấp*: Từ năm 2023 ông N vay tiền của bà H nhiều lần và tính từ ngày 01/8/2024 cho đến nay còn thiếu với tổng số tiền 108.500.000 đồng chưa trả. Bà H nhiều lần yêu cầu ông N trả số tiền trên nhưng ông N chưa trả vì vậy nên phát sinh tranh chấp.

[**2.1**] *Xét yêu cầu của nguyên đơn bà* Trương Thị H *thấy rằng*: Việc cho vay tiền giữa các bên tuy không có làm biên nhận vay tiền nhưng được ông N thừa nhận và xác định hiện nay còn thiếu bà H số tiền 108.500.000 đồng do điều kiện chưa có việc làm nên chưa có khả năng trả. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận là sự thật.

Do ông N thiếu tiền vay bà H từ ngày 01/8/2024 âm lịch (nhầm ngày 03/9/2024 dl) đến nay không thanh toán, nay bà H khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền vay còn thiếu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông N phải trả số tiền vay vốn gốc còn thiếu cho bà H là 108.500.000 đồng. Đối với việc xin trả dần và yêu cầu không tính lãi số nợ còn thiếu của ông N, không được bà H chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Xét yêu cầu tính lãi suất theo quy định của bà H thấy rằng, việc vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất. Nên yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

Do Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền vay còn thiếu, do đó HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ còn thiếu cho nguyên đơn là 108.500.000 đồng vốn gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 01/8/2024 âm lịch nhầm ngày 03/9/2024 dương lịch.

[2.2] *Đối với yêu cầu của bà* H *về việc yêu cầu trả lãi từ ngày 01/8/2024 âm lịch nhầm ngày 03/9/2024 đến ngày xét xử là 8 tháng theo mức lãi suất 12%/ năm, với số tiền 8 triệu đồng*: Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho vay các có thỏa thuận mức lãi suất vay, bị đơn cũng thống nhất không có ý kiến gì. Trước đây các bên thoả thuận lãi và đã thanh toán xong nay không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi xuất các bên thoả thuận trước đây đã thanh toán xong. Nay bà H yêu cầu mức lãi suất 12%/năm từ ngày 01/8/2024 âm lịch nhầm ngày 03/9/2024. Xét thấy việc vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất nay bà H yêu cầu lãi suất 12%/năm giữa các bên trong hợp đồng vay là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất khoản nợ vay. Cụ thể bà H yêu cầu lãi của số tiền vay là 108.500.000 đồng cụ thể như sau: Số tiền 108.500.000 đồng từ ngày 01/8/2024 âm lịch nhầm ngày 03/9/2024 đến ngày 07/05/2025 là 8 tháng 03 ngày x 12%/ năm = 8.716.000 đồng. Nay bà H yêu cầu ông N trả 8.000.000 đồng xét thấy phù hợp không vượt số tiền lãi ông N phải trả nên chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện VKS là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H là có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc

Ông Trần Thanh N trả số tiền nợ còn thiếu cho bà H tổng cộng gốc và lãi là 116.500.000 đồng (Trong đó nợ gốc 108.500.000đồng, lãi phát sinh 8.000.000 đồng).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 116.500.000 đồng là 5.825.000 đồng.

4. Do bị đơn ông Trần Thanh N bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí, nhưng bà thuộc diện người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 648 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Thanh N

Buộc bị đơn ông Trần Thanh N phải trả cho Trương Thị H số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 116.500.000 đồng (Trong đó nợ gốc 108.500.000đồng, lãi phát sinh 8.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07/5/2025, nếu ông N không trả đủ số tiền nợ cho bà H thì còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông N với số tiền lãi 7.370.000 đồng.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tiền án phí DSST giá ngạch 5% trong vụ án là 5.825.000 đồng. Do bị đơn ông Trần Thanh N bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí và bà thuộc diện người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tạm ứng án phí.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/5/2025).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Vinh